TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đức Huy

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2022/TLST – DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa phường X, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà B, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông C, chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Long An

Địa chỉ: 319 Hùng Vương khu phố M phường 6 thành phố N tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông D, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp 7, xã Y, huyện T, tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN*:*

Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A) do ông C đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 22/6/2018, ông D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng A, hạn mức tín dụng mong muốn: 15.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,6%/tháng, hạn mức được cấp: 15.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.500.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông D chỉ thanh toán cho Ngân hàng A được số tiền 18.900.000 đồng (thanh toán giao dịch). Ông D thanh toán cho Ngân hàng đến tháng 9/2021thì ngưng không thanh toán nữa, mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 22/02/2022 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông D có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 17.892.131 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.327.260 đồng, tổng cộng 27.219.391 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn ông D vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai nội dung sự việc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tống đạt niêm yết về việc thụ lý vụ án cho ông D biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A nhưng ông D không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc Ngân hàng TMCP A khởi kiện.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông D đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông D là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Ngày 22/6/2018, ông D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP A. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, ông D vắng mặt không có lời khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2018, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông D ký với nhau Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2018. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu thanh toán làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Do ông D có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Long An nên khi có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm – quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại biên bản xác minh của Công an xã Y xác nhận ông D có đăng ký thường trú tại ấp 7 xã Y, huyện T nhưng hiện không sinh sống tại địa phương, bỏ địa phương đi từ tháng 02/2022 không rõ đi đâu, làm gì. Do đó Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông D, ông D đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông C đại diện Ngân hàng A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C, ông D.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng A, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 22/6/2018, ông D đã ký với Ngân hàng TMCP A Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông D chỉ thanh toán cho Ngân hàng A được số tiền 18.900.000 đồng (thanh toán giao dịch). Ông D thanh toán cho Ngân hàng đến tháng 9/2021 thì ngưng không thanh toán nữa, mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 21/02/2022 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc là 17.892.131 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.327.260 đồng, tổng cộng 27.219.391 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi thi hành án xong.

[6] Việc ông D không trả nợ cho Ngân hàng theo như cam kết trong đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2018 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D vắng mặt. Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông D đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2018 buộc ông D trả số tiền vay gốc 17.892.131 đồng và tiền lãi 9.327.260 đồng, tổng cộng 27.219.391 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có căn cứ.

[8] Về án phí: ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thanh toán theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207, 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông D có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vay gốc là 17.892.131 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 9.327.260 đồng, tổng cộng 27.219.391 đồng (hai mươi bảy triệu, hai trăm mười chín ngàn, ba trăm chín mươi mốt đồng) (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2018).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần A cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông D phải chịu 1.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần A 542.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0002654 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thùy Diễm